BIỂU PHÊ DUYỆT MỨC THU, KHOẢN THU DỊCH VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THỰC HIỆN THEO NQ 16/2024/NQ-HĐND NGÀY 12/8/2024 NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND huyện Bảo Thắng)

		Tên khoản thu dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu tối đa các dịch vụ theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND	Mức thu dịch vụ được phê duyệt	Mức thu dịch vụ được thẩm định đề nghị phê duyệt	Ghi chú
1		**Trường MN Ánh Dương xã Bản Cầm**					
	1	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường (bao gồm cả tiền thực phẩm, tiền điện, nước và chất đốt)					
		Tại điểm trường Trung Tâm, Bản Cầm, Bản Lọt, Nậm Tang	Học sinh/ngày	25.000	15.000	15.000	
		Tại điểm trường Khẩu Cồ	Học sinh/ngày	25.000	7.000	7.000	
	2	Dịch vụ , phục vụ nước uống cho học sinh (trung tâm)	Học sinh/tháng	7.000	2.200	2.200	
	3	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường	Học sinh/tháng	100.000	50.000	50.000	
2		**Trường Tiểu học xã Bản Cầm**					
	1	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường	Học sinh/ngày	25.000	17.000	17.000	
	2	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường	Học sinh/tháng	100.000	55.000	55.000	
	3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Học sinh/giờ	6.000	2.000	2.000	
3		**Trường THCS xã Bản Cầm**					
		Dịch vụ, phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	3.000	3.000	
4		**Trường MN Ánh Sao xã Bản Phiệt**					
	1	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường					
		- Điểm trường Trung tâm , Pặc Tà, Nậm Sưu, Làng Chung, Cốc Lầy	Học sinh/ ngày	25.000	15.000	15.000	
		- Điểm trường Nậm Sò	Học sinh/ ngày	25.000	12.000	12.000	
	2	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường					
		Tại trung tâm	Học sinh/ tháng	100.000	70.000	70.000	
		Tại điểm trường Làng Chung	Học sinh/ tháng	100.000	65.000	65.000	
		Tại điểm trường Cốc Lầy	Học sinh/ tháng	100.000	75.000	75.000	
		Tại điểm trường Nậm Sưu	Học sinh/ tháng	100.000	58.000	58.000	
		Tại điểm trường Nậm Sò	Học sinh/ tháng	100.000	65.000	65.000	

5		**Trường Tiểu học xã Bản Phiệt**				
	1	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường	Học sinh/ngày	25.000	15.000	15.000
	2	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường	Học sinh/tháng	100.000	60.000	60.000
	3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa,không bao gồm tiền ăn)	Học sinh/ giờ	6.000	4.000	4.000
6		**Trường THCS xã Bản Phiệt**				
	2	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh / tháng	5.000	4.000	4.000
7		**Trường MN số 1 Phong Hải**				
	1	Thu tiền ăn đối với trẻ em, học sinh học bán trú ở tại trường				
		Điểm trường trung tâm và TDP số 2	Học sinh/ngày	25.000	7.000	7.000
8		**Trường MN số 2 Phong Hải**				
	1	Thu tiền ăn đối với trẻ em, học sinh học bán trú ở tại trường				
		Tại điểm trường Trung Tâm, Quy Ke, Khởi Khe, Cốc Né	Học sinh/ngày	25.000	6.000	6.000
9		**Trường THCS TT NT Phong Hải**				
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh (Thu 8 tháng)	Học sinh/tháng	7.000	5.000	6.000
10		**Trường MN Hoa Hồng xã Phong Niên**				
	1	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường(bao gồm cả tiền thực phẩm, tiền điện nước, chất đốt)				
		Điểm trường trung tâm, Cốc Sâm 5	Học sinh/Ngày	25.000	12.000	12.000
		Điểm trường Cốc Toòng, Làng Cung 1, Cán Hồ	Học sinh/Ngày	25.000	10.000	10.000
		Điểm trường Làng Cung 3, Làng Có	Học sinh/Ngày	25.000	8.000	8.000
		Điểm trường Phìn Giàng	Học sinh/Ngày	25.000	7.000	7.000
11		**Tiểu học số 1 xã Phong Niên**				
	1	Quản lý học sinh ngoài giờ chính khóa:	Học sinh/ giờ	6.000	4.000	4.000
12		**Tiểu học số 2 xã Phong Niên**				
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	4.500	45.000
13		**Trường THCS xã Phong Niên**				
	1	Dịch vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	3.000	3.000
14		**Trường MN Hoa Mai xã Xuân Quang**				

	1	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường	Học sinh/Ngày	25.000	16.000	16.000	
	2	**Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường**					
		Điểm trường trung tâm	Học sinh/tháng	100.000	50.000	50.000	
		- Điểm trường Tân Quang:	Học sinh/tháng	100.000	49.500	49.500	
		- Điểm trường Na Ó	Học sinh/tháng	100.000	49.500	49.500	
		- Điểm trường Cốc Mằn	Học sinh/tháng	100.000	95.500	95.500	
		- Điểm trường Làng Lân	Học sinh/tháng	100.000	91.000	91.000	
		- Điểm trường Cửa Cải	Học sinh/tháng	100.000	73.000	73.000	
		- Điểm trường Nậm Cút	Học sinh/tháng	100.000	83.500	83.500	
	3	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.000	5.000	
	4	Dịch vụ chăm sóc quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/giờ	6.000	3.000	3.000	
15		**Trường MN Nắng Mai xã Xuân Quang**					
	1	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/giờ	6.000	3.000	3.000	
	2	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường					
		Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường (Phân hiệu Trung tâm và Hốc Đá)	Học sinh/tháng	25.000	16.000	16.000	
		Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường (Phân hiệu làng My)	Học sinh/tháng	25.000	15.000	15.000	
	3	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	2.300	2.300	
	4	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn					
		Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn (Trung tâm)	Học sinh/tháng	100.000	40.000	40.000	
		Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn (phân hiệu Hốc đá,)	Học sinh/tháng	100.000	90.000	90.000	
		Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn (phân hiệu Làng My)	Học sinh/tháng	100.000	60.000	60.000	
16		**Trường TH số 1 xã Xuân Quang**					
	1	Dịch vụ quản lý học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Học sinh / giờ	6.000	5.000	5.000	
17		**Trường TH số 2 Xuân Quang**					
	1	Dịch vụ quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/ giờ	6.000	4.000	4.000	
18		**Trường TH số 3 xã Xuân Quang**					
	1	Dịch vụ quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/ giờ	6.000	5.000	5.000	
19		**Trường THCS số 1 xã Xuân Quang**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Tháng/ Học sinh	7.000	5.000	5.000	
20		**Trường THCS số 2 xã Xuân Quang**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.000	5.000	

21		**Trường THCS số 3 xã Xuân Quang**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/ tháng	7.000	5.000	5.000	
22		**Trường MN Sao Mai xã Trì Quang**					
	1	dịch vụ phụcv ụ ăn bán trú tại trường	Học sinh/ngày	25.000	16.000	16.000	
	2	Dịch vụ phục vụ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường					
		Dịch vụ phục vụ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường (điểm trường chính)	Học sinh/tháng	100.000	12.000	12.000	
		Dịch vụ phục vụ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường (điểm trường Làng Mạ)	Học sinh/tháng	100.000	7.000	7.000	
		Dịch vụ phục vụ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường (điểm trường Nhò Trong)	Học sinh/tháng	100.000	9.000	9.000	
23		**Trường Tiểu học xã Trì Quang**					
	1	Quản lý học sinh ngoài giờ chính khoá	Học sinh/ giờ	6.000	3.000	3.000	
24		**Trường THCS xã Trì Quang**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	3.000	3.000	
25		**Trường MN Hoa Đào TT Phố Lu**					
		Trung tâm					
		Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường	Học sinh/ngày	25.000	15.000	15.000	
	1	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường	Học sinh/tháng	100.000	50.000	50.000	
	2	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.300	5.300	
	3	**Phân hiệu Khe Tắm**					
	4	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường	Học sinh/ngày	25.000	12.000	12.000	
	5	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	3.600	3.600	
26		**Trường MN Bình Minh TT Phố Lu**					
	1	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường	Học sinh/ngày	25.000	25.000	25.000	
	2	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường	Học sinh/tháng	100.000	75.000	75.000	
	3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/tiết	6.000	6.000	6.000	
	4	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.300	5.300	
27		**Trường TH số 1 TT Phố Lu**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.000	5.000	
	2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Học sinh/giờ	6.000	6.000	6.000	
28		**Trường TH số 2 TT Phố Lu**					
	1	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh / giờ	6.000	6.000	6.000	
	2	Dịch vụ phục vụ Nước uống cho học sinh	Học sinh/ tháng	7.000	4.000	4.000	

29		**Trường TH số 3 TT Phố Lu**				
	1	Dịch vụ phục vụ Nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.000	5.000
	2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Học sinh/giờ	6.000	6.000	6.000
30		**Trường THCS TT Phố Lu**				
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	2.800	2.800
31		**Trường THCS số 2 TT Phố Lu**				
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	7.000	7.000
32		**Trường MN Nắng Sớm xã Sơn Hà**				
	1	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường				
		Trung tâm, An Thắng, An Hồng, Khe Mụ	Học sinh/ngày	25.000	16.500	16.500
		Phân hiệu Trà Chẩu	Học sinh/ngày	25.000	12.000	12.000
	2	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường.				
		Tại trường Trung Tâm	Học sinh/tháng	100.000	48.000	48.000
		Tại điểm Phân hiệu An Hồng	Học sinh/tháng	100.000	75.000	75.000
		Tại điểm Phân hiệu An Thắng	Học sinh/tháng	100.000	100.000	100.000
		Tại điểm Phân hiệu Khe Mụ	Học sinh/tháng	100.000	100.000	100.000
		Tại điểm Phân hiệu Trà Chẩu	Học sinh/tháng	100.000	86.000	86.000
33		**Trường TH số 1 xã Sơn Hà**				
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/ tháng	7.000	6.000	6.000
	2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Học sinh/giờ	6.000	6.000	6.000
34		**Trường THCS xã Sơn Hà**				
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/ tháng	7.000	6.000	6.000
35		**Trường MN Bông Sen Sơn Hải**				
	I	**Các khoản thu dịch vụ**				
	1	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường				
		Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường(Trung tâm, PH Cánh Địa; Cố Hải; Làng Chưng)	Học sinh/ngày	25.000	16.000	16.000
		Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường(PH Soi Trát)	Học sinh/ngày	25.000	17.000	17.000
	2	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường.				

		Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường. (điểm Trung Tâm + PH Cánh Địa)	Học sinh/tháng	100.000	85.000	85.000	
		Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường. (điểm PH Vàng Chưng, Cố Hải, Soi Chát)	Học sinh/tháng	100.000	90.000	90.000	
36		**Trường Mầm non xã Xuân Giao**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/ tháng	7.000	5.000	5.000	
	2	Dịch vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường					
		Điểm trung tâm + PH Chành	Học sinh/ tháng	100.000	62.000	62.000	
		Phân hiệu Vàng	Học sinh/ tháng	100.000	76.000	76.000	
		Phân hiệu Cù Hà	Học sinh/ tháng	100.000	100.000	100.000	
	3	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường (Thực phẩm +gas+điện+ nước)	Học sinh/ngày	25.000	18.000	18.000	
37		**Trường TH xã xuân giao**					
	1	Dịch vụ phục vụ Nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.000	5.000	
	2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/giờ	6.000	4.000	4.000	
38		**Trường THCS Xuân Giao**					
	1	Dịch vụ phục vụ Nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.500	5.500	
39		**Trường MN Sơn Ca Tằng Loỏng**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	7.000	7.000	
	2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/giờ	6.000	3.000	3.000	
	3	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường	Học sinh/tháng	100.000	66.000	66.000	
	4	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường					
		- Trung tâm	Học sinh/ngày	25.000	18.000	18.000	
		-Phân hiệu	Học sinh/ngày	25.000	10.000	10.000	
40		**Trường Tiểu học TT Tằng Lỏong**					
	1	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường	Học sinh/ngày	25.000	15.000	15.000	
	2	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường	Học sinh/tháng	100.000	51.000	51.000	
	3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/giờ	6.000	6.000	6.000	
	5	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.000	5.000	
41		**Trường Tiểu học số 2 Thị trấn Tằng Lỏong**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.000	5.000	
	2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/giờ	6.000	6.000	6.000	
	3	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường	Học sinh/tháng	100.000	48.000	48.000	

	4	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường	Học sinh/ngày	25.000	15.000	15.000	
42		**Trường THCS Thị trấn Tằng Lỏong**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.000	5.000	
43		**Trường MN Hoa Lan xã Phú Nhuận**					
	1	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/giờ	6.000	3.000	3.000	
	2	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường	Học sinh/tháng	100.000	55.000	55.000	
	3	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường	Học sinh/ngày	25.000	14.500	14.500	
44		**Trường MN Hoa Phượng Đỏ xã Phú Nhuận**					
	1	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường					
		Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường: Trung tâm	Học sinh/ ngày	25.000	15.000	15.000	
		Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường: Phú Thịnh	Học sinh/ ngày	25.000	13.500	13.500	
		Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường: Phân hiệu Khe Bá, Làng Đền, Phú Sơn:	Học sinh/ngày	25.000	11.000	11.000	
	2	Dịch vụ nước uống cho học sinh	học sinh / tháng	7.000	5.000	5.000	
	3	Dịch vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tại trường					
		**Trung tâm:*	Học sinh / tháng	100.000	60.000	60.000	
		**Phú Thịnh:*	Học sinh/ tháng	100.000	55.000	55.000	
		** Khe Bá:*	Học sinh /tháng	100.000	80.000	80.000	
		** Làng Đền*	Học sinh / tháng	100.000	75.000	75.000	
	4	Dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ(Bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa không bao gồm tiền ăn)	Học sinh/giờ	6.000	2.000	2.000	
45		**Trường Tiểu học số 1 Phú Nhuận**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	4.000	4.000	
	2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/giờ	6.000	5.000	5.000	
46		**Trường Tiểu học số 2 Phú Nhuận**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.000	5.000	
	2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/giờ	6.000	4.000	4.000	
47		**Trường TH số 3 Phú Nhuận**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	4.000	4.000	
	2	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/giờ	6.000	5.000	5.000	
	3	Thu tiền để chi trả tiền thuê người nấu ăn, phục vụ đối với học sinh ăn trưa tại trư	Học sinh/tháng	100.000	12.000	12.000	
48		**Trường THCS số 1 xã Phú Nhuận**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	4.000	4.000	

49	**Trường THCS số 2 Phú Nhuận**					
1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.000	5.000	
50	**Trường MN Hoa Ban Gia Phú**					
1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/tháng	7.000	5.000	5.000	
2	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường	Học sinh/ngày				
	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trườngĐiểm trường trung tâm	Học sinh/ngày	25.000	17.000	17.000	
	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trườngPhân hiệu Chính tiến	Học sinh/ngày	25.000	16.000	16.000	
	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trườngPhân hiệu Tà Thàng	Học sinh/ngày	25.000	17.000	17.000	
3	Thu tiền để chi trả tiền thuê người nấu ăn, phục vụ đối với học sinh ăn trưa tại trườ	Học sinh/tháng				
	Điểm trường trung tâm	Học sinh/tháng	100.000	55.000	55.000	
6	Phân hiệu Chính tiến	Học sinh/tháng	100.000	90.000	90.000	
	Phân hiệu Tà Thàng	Học sinh/tháng	100.000	60.000	60.000	
7	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ	Học sinh/giờ	3.000	3.000	3.000	
51	**Trường Tiểu học số 1 xã Gia Phú**					
1	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Học sinh/giờ	6.000	4.000	4.000	
52	**Trường Tiểu học số 2 xã Gia Phú**					
1	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Học sinh / giờ	6.000	5.000	5.000	
2	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/ tháng	7.000	5.000	5.000	
53	**Trường THCS số 1 xã Gia Phú**					
1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh /tháng	7.000	5.000	5.000	
2	Dịch vụ trông xe đạp, xe đạp điện	Học sinh /tháng	35.000	10.000	10.000	
54	**Trường PTDTBT THCS xã Gia Phú**					
1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh /tháng	7.000	5.000	5.000	
55	**Trường MN Ngọc Lan xã Thái Niên**					
1	**Dịch vụ phụ vụ ăn bán trú tại trường (bao gồm tiền thực phẩm, tiền điện, nước và chất đốt)**					
	Điểm trường: Múc, Làng Giàng, Thái Niên, Tân Thắng, Khe Dùng	Học sinh/ ngày	25.000	15.000	15.000	
	Điểm trường: Thôn Lượt	Học sinh/ ngày	25.000	14.000	14.000	
2	**Thu tiền để chi trả thuê người nấu ăn phục vụ đối với học sinh ăn trưa tại trường**					

		-Dịch vụ chi trả tiền thuê người nấu ăn, phục vụ đối với học sinh ăn trưa tại trường(Điểm trường: Múc, Làng Giàng, Thái Niên)	Học sinh/ tháng	100.000	65.000	65.000	
		-Dịch vụ chi trả tiền thuê người nấu ăn, phục vụ đối với học sinh ăn trưa tại trường (Điểm trường: Lượt, Tân Thắng)	Học sinh/ Tháng	100.000	70.000	70.000	
		-Dịch vụ chi trả tiền thuê người nấu ăn, phục vụ đối với học sinh ăn trưa tại trường(Điểm trường: Khe Dùng)	Học sinh/ Tháng	100.000	30.000	30.000	
56		**Trường MN Họa Mi xã Thái Niên**					
	1	**Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường**					
		- Điểm trường Trung Tâm + Hải Niên	Học sinh / ngày	25.000	13.000	13.000	
		- Điểm trường Quyết Tâm	Học sinh / ngày	25.000	12.000	12.000	
		- Điểm trường đo trong	Học sinh / ngày	25.000	11.000	11.000	
		- Điểm trường Tam Giáp + Làng Mới + Khe Đền 1 + Khe Đền 2	Học sinh / ngày	25.000	3.000	3.000	
	2	**Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn cho học sinh ăn trưa tai trường**					
		- Điểm trường Trung tâm	Học sinh / tháng	100.000	50.000	50.000	
		- Điểm trường Hải Niên	Học sinh / tháng	100.000	65.000	65.000	
		- Điểm trường Quyết tâm	Học sinh / tháng	100.000	80.000	80.000	
57		**Trường PTDTBT TH xã Thái Niên**					
	1	Dịch vụ ăn bán trú tại trường	Học sinh/ ngày	25.000	12.000	12.000	
	2	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh/ tháng	7.000	5.000	5.000	
58		**Trường: TH số 3 Thái Niên**					
	1	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Học sinh/giờ	6.000	3.000	3.000	
59		**Trường PTDTBTTHCS Thái Niên**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	học sinh/tháng	7.000	5.000	5.000	
60		**Trường TH&THCS Thái Niên**					
	1	Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường					
		Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường- cấp Tiểu học	Học sinh / ngày	25.000	13.000	13.000	
		Dịch vụ phục vụ ăn bán trú tại trường - cấp THCS	Học sinh / ngày	25.000	15.000	15.000	
	2	Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn trưa cho học sinh tại trường					
		Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn trưa cho học sinh tại trường- Cấp Tiểu học	Học sinh / tháng	100.000	48.000	48.000	
		Dịch vụ phục vụ hỗ trợ nấu ăn trưa cho học sinh tại trường- Cấp THCS	Học sinh / tháng	100.000	24.000	24.000	
	3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý học sinh ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	Học sinh / Giờ	6.000	2.000	2.000	

	4	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh / tháng	7.000	5.000	5.000	
61		**Trường THCS số 3 xã Thái Niên**					
	1	Dịch vụ phục vụ nước uống cho học sinh	Học sinh / tháng	7.000	6.000	6.000	